TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương,

Bà Đặng Thị Đôi.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2026/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị N, sinh năm 1992;

Căn cước công dân số: 031192011127 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1989;

Căn cước công dân số: 031089019362 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Vũ Văn Đ vào ngày

02/11/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Chị bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở từ đầu năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Vũ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Vũ Văn M, sinh ngày 20/11/2011 và Vũ Nhật Q, sinh ngày 25/12/2016. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Hiện nay chị và anh Đ đều có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa chị và anh Đ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Đ trình bày: Thống nhất với chị Lương Thị N về thời gian điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Chị N bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở từ đầu năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị N để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh không có thời gian đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Vũ Văn M, sinh ngày 20/11/2011 và Vũ Nhật Q, sinh ngày 25/12/2016. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Hiện nay anh và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa anh và chị N thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa công bố đơn của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt; công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị N xin ly hôn anh Đ và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh Đ đang cư trú tại thôn V, xã K; căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị N và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 02/11/2010. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Chị N bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở từ đầu năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Văn M, sinh ngày 20/11/2011 và Vũ Nhật Q, sinh ngày 25/12/2016. Các đương sự đã có ý kiến thống nhất để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi. Mặt khác, nguyện vọng của các cháu cũng phù hợp với ý kiến của anh chị. Hiện nay, chị N và anh Đ đều có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Vũ Văn M cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp; cần giao cháu Vũ Nhật Q cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hai bên đương sự đã trình bày ý kiến tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn M, sinh ngày 20/11/2011 cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Vũ Nhật Q, sinh ngày 25/12/2016 cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002764 ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Thụy;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đôi **Tạ Thị Hương** **Phạm Thị Ngà**